

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TÁI CẤU HÌNH ĐỜI SỐNG TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: NHỮNG THÁCH THỨC VỀ MẶT PHÁP LÝ

(Phần cuối)

ĐỖ QUANG HÙNG^(*)

4. Những thách thức về pháp lý

Đây là vấn đề rất thời sự và mới mẻ. Ý kiến của chúng tôi dưới đây có thể chỉ xem như những “giả thiết nghiên cứu”. Sau đây là một số vấn đề cụ thể.

4.1. Một hệ luận với mô hình nhà nước thế tục

Trong những nghiên cứu trước đây, chúng tôi đã khẳng định rằng, Nhà nước Việt Nam trên thực tế đã lựa chọn *mô hình nhà nước thế tục ưu tiên cho sự đa dạng*, về cơ bản là đúng đắn và phù hợp⁽¹⁾. Chúng tôi cũng đã có nhận xét rằng, trước năm 2005, trong một thời gian dài khi xây dựng mô hình nhà nước thế tục ấy, Việt Nam đã có “một món nợ pháp lý” là, khi công nhận 6 tôn giáo chính, vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, đã xem nhẹ về pháp lý “tôn trọng các tôn giáo còn lại”. *Chỉ thị 01* (2005) đã bù đắp cơ bản cho thiếu hụt đó.

Vấn đề ngày hôm nay là, về phương diện pháp lý, các tổ chức tôn giáo được công nhận (với hai cấp độ “có tư cách pháp nhân” và “được đăng ký hoạt động”) sẽ còn biến diễn như thế nào? Số lượng các tôn giáo được thừa nhận nói cho cùng là số *n* trong số học. Ngay hiện nay

cũng đã và đang có những ý kiến tranh luận, 12 (hay 13) các tôn giáo được thừa nhận là *nhiều* hay là *con số thích hợp*? Theo chúng tôi, sự “tái cấu trúc tôn giáo” đã cho thấy, việc lựa chọn mô hình *đa nguyên về tôn giáo* khiến Nhà nước rõ ràng phải chấp nhận số *n* nói trên. Vấn đề là ở chỗ quyền hạn pháp lý, sự

*. GS. TS., Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Những năm gần đây, sau hơn một trăm năm xây dựng mô hình này, người Châu Âu đã “tổng kết” 4 mô hình khả thi (modèle possible) của nhà nước thế tục, cho đến nay là:

1. *Mô hình quốc giáo* (ethno-religion) cho những nước như Bắc Âu với Tin Lành giáo; Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha với Công giáo; Hy Lạp với Chính Thống giáo. Với những nước này, Nhà nước công nhận, dựa vào một tôn giáo chủ lưu nhưng vẫn tôn trọng các tôn giáo còn lại.

2. *Mô hình tôn giáo dân sự* (religion civile) cho những nước thực hiện hòa nhập các giá trị tôn giáo vào xã hội (tiêu biểu như Mỹ).

3. *Mô hình đa nguyên tôn giáo* (pluralisme), dành nhiều sự ưu tiên cho sự đa dạng của các tôn giáo cùng có vị trí pháp lý với sự mở rộng ngày càng lớn cho các tôn giáo (Đức, Bỉ, Hà Lan...)

4. *Mô hình thể chế thế tục trung lập* (laïcité), mô hình đặc biệt nhất, tiêu biểu như ở nước Pháp, trong đó nhà nước không “công nhận” bất cứ một tôn giáo nào, mọi tôn giáo lớn nhỏ trước nhà nước đều phải thực hiện luân lý thế tục (moral laïque). (J. Bauberot, *Tôn giáo và tính hiện đại, thể chế thế tục trung lập và thế tục hóa trong cuộc khủng hoảng của tính hiện đại ở Châu Âu*, Paris, nguyên bản tiếng Pháp, 2005).

hiện diện của các tổ chức tôn giáo ấy cũng như ứng xử với “những tôn giáo còn lại” sao cho phù hợp với mô hình đã lựa chọn mới là những vấn đề có tính quyết định.

4.2. Về thể thức công nhận các tổ chức tôn giáo

4.2.1. Mấy kinh nghiệm của Âu - Mỹ

Tổng kết những kinh nghiệm công nhận các tổ chức tôn giáo trong các xã hội Âu - Mỹ, E. Caparros và L. Léon Christians đã khái quát 3 dạng thức cụ thể sau đây:

(1). *Việc công nhận mang tính hiến định độc lập* (La reconnaissance constitutionnelle de l'autonomie) với các tổ chức tôn giáo.

Cái đặc biệt của dạng thức này ở chỗ, nhà nước thực sự không can thiệp vào mọi vấn đề nội bộ của các tôn giáo, tôn trọng tính tự chủ của chúng nhưng giá trị của tư cách pháp nhân lại không giống nhau. Chẳng hạn, với Giáo hội Công giáo, khi thực hiện Luật Phân Li hoàn toàn giữa Giáo hội và Nhà nước vẫn giữ tư cách pháp nhân của mình theo luật công (droit public) trong khi đó các cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng khác lại hưởng pháp nhân theo quy chế của luật dân sự (droit civil).

(2). *Việc công nhận bằng con đường của các thỏa ước quốc tế*

Có thể nói chế độ thỏa ước (Concordataire)⁽²⁾ là một đóng góp quan trọng của luật pháp tôn giáo Châu Âu khi giải quyết vấn đề Kitô giáo. Cho đến những thập niên gần đây, chế độ này vẫn tỏ ra còn tác dụng với hàng loạt văn bản được kí giữa Tòa Thánh Vatican và các

nước như Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, v.v...

(3). *Việc công nhận tư cách pháp nhân bằng con đường đăng kí*: một dạng thức có tính phổ biến và thích hợp.

Việc công nhận các tổ chức tôn giáo theo phương thức đăng kí xem ra phù hợp trước hết với mọi quốc gia có hệ thống luật phổ thông (droit commun). Tự thân hệ thống luật Anh - Mỹ (Common Law) đã hàm chứa cách thức đạt được tư cách pháp nhân tôn giáo. Phía các tôn giáo, không chỉ có đòi hỏi được đăng kí, tức là được hưởng sự giám sát tư pháp (controle judiciaire) mà còn đòi hỏi sự công quyền hóa (formalisation publique) sự tồn tại của mình.

Tính phức tạp của việc đăng kí, trước hết ở chỗ: tổ chức tôn giáo là những thực thể phức tạp, nhất là các tôn giáo truyền thống có cấu trúc giáo hội, có khi mang tính toàn cầu hoặc ngược lại, những tôn giáo nhóm nhỏ, đa nguyên về cơ cấu tổ chức.

Một cơ sở nhìn nhận khác, khi thực hiện việc đăng kí, các tổ chức tôn giáo trong các xã hội hiện đại được coi như những tổ chức nhân đạo (đi liền với việc miễn một số khoản thuế, hoặc giảm thuế - hai điều lợi đáng kể cho các tổ chức tôn giáo) dù không phải mọi hoạt động tôn giáo đều không có mục đích sinh lợi⁽³⁾.

2. Đáng lưu ý, ngày 9/12/1905, khi nước Pháp công bố Bộ luật Phân Li nổi tiếng (Loi la Séparation des Églises et de l'Etat), đã xóa bỏ chế độ này bằng Điều 44, hủy bỏ những điều luật được kí giữa Giáo hoàng với Chính phủ Pháp trước đó.

3. E. Caparros, L. Léon Chistians. *La religion en droit comparé à l'aube du XXI^e siècle*, ed. Bruylaut, Bruxelle, 2000. Phần nội dung trên đây là sự tóm tắt bài viết tổng luận cuộc Hội thảo quốc tế về luật pháp tôn giáo Châu Âu năm 2000 tại Bỉ.

Gần đây hơn, nhà nghiên cứu luật pháp tôn giáo nổi tiếng của Pháp và Châu Âu, F. Messner đã “tóm tắt” ba dạng thức công nhận các tổ chức tôn giáo này một cách thuyết phục hơn. Trong đó, F. Messner đã đối chiếu các mô hình nhà nước thể tục với việc vận dụng ba thể thức công nhận các tổ chức tôn giáo nói trên⁽⁴⁾. Ông cũng cho bạn đọc thấy những kinh nghiệm của Cộng đồng Châu Âu, với hai “tòa án về tôn giáo” đã đụng độ với những vấn đề pháp lý như thế nào khi thực thi việc công nhận các tổ chức tôn giáo trong thực tiễn đa dạng của các nước thành viên.

4.2.2. Bây giờ, chúng ta hãy xem việc công nhận 13 tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đã diễn ra như thế nào.

Trước hết là sự khác biệt giữa các cấp có thẩm quyền công nhận các tổ chức tôn giáo. Văn bản pháp lý cho thấy, loại tổ chức tôn giáo được công nhận trước năm 2005 như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ công nhận 03 tổ chức:

* Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc): năm 1958

* Giáo hội Công giáo Việt Nam: năm 1980

* Giáo hội Phật giáo Việt Nam: năm 1981

2. Ban Tôn giáo Chính phủ công nhận các tổ chức tôn giáo (thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ): 09 tổ chức:

* Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên: năm 1995 với Quyết định số 51/QĐ-TGCP ngày 29/7/1995;

* Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn đạo Hậu Giang: năm 1996 với Quyết định số 39/QĐ-TGCP ngày 02/8/1996;

* Giáo hội Đại đạo Tam kỳ Phổ độ Cao Đài Tây Ninh: năm 1996 với Quyết định số 10/QĐ-TGCP ngày 24/9/1996;

* Hội Thánh Truyền giáo Cao Đài: năm 1996 với Quyết định số 40/QĐ-TGCP ngày 24/9/1996 ;

* Giáo hội Hội Thánh Cao Đài Ban Chính đạo: năm 1997 với Quyết định số 26/QĐ-TGCP ngày 08/8/1997;

* Hội Thánh Cao Đài Chơn Lý: năm 2000 với Quyết định số 16/2000/QĐ-TGCP ngày 14/3/2000;

* Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan: năm 2000 với Quyết định số 199/2000/QĐ-TGCP ngày 28/4/2000;

* Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo (nay là Ban Trị sự Trung ương Phật giáo Hòa Hảo): năm 1999 với Quyết định số 21/QĐ/TGCP ngày 11/6/1999;

* Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam): năm 2001 với Quyết định số 15 QĐ/TGCP ngày 16/3/2001.

3. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận tổ chức tôn giáo: 04 tổ chức:

* Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh: năm 1992 với Quyết định số 28/QĐ-UB ngày 07/01/1992;

* Hội Thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu: năm 1996 với Quyết định số 1562/QĐ.Ct.HC.96 ngày 27/7/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ;

4. Xem: B. Basdevant - Gaudemet et Francis Messner. *Les Origines Historiques du Statut des Confessions Religieuses dans les Pays de l'Union européenne*, Puf, Paris, 1999. Đặc biệt cuốn của Francis Messner, P. H. Prélôt, J. M. Wöhring. *Traité de Droit Français des Religions*, Ed. Litec, Paris, 2003.

* Hội Thánh Bạch y Liên đoàn Chơn Lý: năm 1998 với Quyết định số 60/TB-UB ngày 08/7/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang;

* Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang: năm 2004 với Quyết định số 2775/QĐ-Ct.UB ngày 17/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang.

Từ khi có Chỉ thị 01/2005 đến nay, việc công nhận các tổ chức tôn giáo diễn ra như sau:

1. Loại tổ chức tôn giáo do Ban Tôn giáo Chính phủ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc công nhận về tổ chức, bao gồm:

* Hội Truyền giáo Cơ Đốc Việt Nam, đăng ký ngày 01/9/2006 (Giấy chứng nhận số 146/2006/GCN-TGCP); công nhận ngày 22/10/2007 (Quyết định số 175/QĐ-TGCP);

* Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, đăng ký ngày 01/9/2006 (Giấy chứng nhận số 147/GCN-TGCP); công nhận ngày 27/11/2007 (Quyết định số 207/QĐ-TGCP);

* Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam, đăng ký ngày 18/12/2006 (Giấy chứng nhận số 215/2006/GCN-TGCP); công nhận ngày 04/12/2008 (Quyết định số 235/QĐ-TGCP);

* Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân Điển Nam Phương), đăng ký ngày 18/12/2006 (Giấy chứng nhận số 214/2006/GCN-TGCP); công nhận ngày 07/5/2008 (Quyết định số 109/QĐ-TGCP);

* Cộng đồng Baha'i ở Việt Nam, đăng ký ngày 28/2/2007 (Giấy chứng nhận số 105/TGCP); công nhận ngày 14/7/2008 (Quyết định số 150/QĐ-TGCP);

* Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo, đăng ký ngày 17/8/2007 (Giấy chứng nhận số 694/GCN-TGCP); công nhận ngày 01/10/2008 (Quyết định số 196/QĐ-TGCP);

* Minh Lí đạo Tam tông miếu, đăng ký ngày 17/8/2007 (Giấy chứng nhận số 693/GCN-TGCP); công nhận ngày 01/10/2008 (Quyết định số 195/QĐ-TGCP);

* Hội Thánh Báp-tít Việt Nam (Nam Phương), đăng ký ngày 26/9/2007 (Giấy chứng nhận số 810/GCN-TGCP); công nhận ngày 03/10/2008 (Quyết định số 199/QĐ-TGCP);

* Hội Thánh Mennonite Việt Nam, đăng ký ngày 26/9/2007 (Giấy chứng nhận số 811/GCN-TGCP); công nhận ngày 05/02/2009 (Quyết định số 12/2009/QĐ-TGCP);

* Hội Thánh Tin Lành Trưởng Lão Việt Nam, đăng ký ngày 05/10/2007 (Giấy chứng nhận số 843/GCN-TGCP); công nhận ngày 04/12/2008 (Quyết định số 234/QĐ-TGCP);

* Hội Thánh Liên hữu Cơ Đốc Việt Nam, đăng ký ngày 05/10/2007 (Giấy chứng nhận số 844/GCN-TGCP); công nhận ngày 14/6/2010 (Quyết định số 84/2010/QĐ-TGCP);

2. Loại tổ chức tôn giáo do Ủy ban Nhân dân, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ các tỉnh cấp đăng ký hoạt động tôn giáo và công nhận về tổ chức, bao gồm:

* Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Ban Tôn giáo tỉnh An Giang cấp đăng ký ngày 04/8/2006 (Giấy chứng nhận số 262/GCN-TGT); UBND tỉnh An Giang công nhận ngày 16/6/2010 (Quyết định số 1114/QĐ-UBND);

* Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bàn tỉnh Ninh Thuận, Ban Tôn giáo tỉnh Ninh Thuận chấp thuận thành lập ngày 06/9/2006 (Công văn số 150/BTG-VP); UBND tỉnh Ninh Thuận công nhận ngày 01/10/2007 (Quyết định số 4106/QĐ-UBND);

* Ban Đại diện (lâm thời) Cộng đồng Islam giáo tỉnh Tây Ninh, UBND tỉnh Tây Ninh công nhận ngày 30/12/2008 (Công văn số 4400/UBND-VXNV);

* Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương: Chùa Tây An cổ tích, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ban Tôn giáo và Dân tộc tỉnh cấp đăng ký ngày 05/9/2007 (Giấy chứng nhận số 01/GCN-TGDT); Sở Nội vụ công nhận ngày 25/3/2009 (Quyết định số 581/QĐ-SNV), v.v...

Qua tư liệu chính thức trên đây của Ban Tôn giáo Chính phủ, có thể nhận xét rằng, việc công nhận các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, trong phạm vi chủ thể công nhận là chưa có sự quy chuẩn thống nhất. Một “tôn giáo mới được công nhận” có khi cấp công nhận lại thấp hơn những hệ phái của một tôn giáo khác, khi những hệ phái đó lại được cấp thẩm quyền cao hơn công nhận. Đồng thời, hai mức độ pháp lý “công nhận tư cách pháp nhân” và “được đăng ký hoạt động” cũng chưa thực sự có quy chuẩn pháp lý chặt chẽ thống nhất.

4.2.3. Vấn đề “thể nhân” và “pháp nhân” tôn giáo

Đây là một phương diện pháp lý quan trọng đối với các tổ chức cũng như với cá nhân tôn giáo. Điều này cũng có liên quan chặt chẽ với việc công nhận các tổ chức tôn giáo.

Thông thường, luật pháp quốc tế có sự phân biệt rõ ràng giữa các thể nhân (les personnes physiques) và các pháp nhân (les personnes juridique), nghĩa là 2 chủ thể quyền lợi (les sujets de droits) cơ bản thường được nhà nước bảo hộ về quyền lợi cho các cá nhân trong xã hội và các hội đoàn thể - xã hội hay đoàn thể được pháp luật công nhận với đủ tư cách pháp lý để làm chủ thể các quyền lợi.

Hơn thế nữa, các pháp nhân vốn có nhiều loại. Với vấn đề các tổ chức tôn giáo, theo thông lệ, chủ yếu thuộc lĩnh vực pháp nhân tư pháp (les personnes morales de droit privé). Các loại pháp nhân chủ yếu trong ngành tư pháp thường gồm: các hội - xã hội (les sociétés) như các hội dân sự, hội buôn, v.v...; các hiệp hội (les associations) mà đặc tính chủ yếu là không vụ lợi, hướng vào các mục tiêu văn hóa, tôn giáo, từ thiện, v.v...

Trong thực tiễn đời sống tôn giáo ở Việt Nam, nhất là trước năm 2005, nhiều tổ chức tôn giáo, tín đồ các tôn giáo ấy khi chưa được “công nhận” (về cơ bản họ thuộc về thị trường xám mà chúng tôi đã phân tích ở phần trên) thường vận dụng quyền thể nhân tôn giáo, sinh hoạt tại gia đình hoặc cộng đồng với quyền pháp lý hạn chế.

Hiện nay vấn đề lại là, với 13 tổ chức tôn giáo được công nhận đã có sự thống nhất hay chưa giữa quyền thể nhân và quyền pháp nhân? Điều dễ thấy là phần lớn các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam, dù được công nhận cũng chưa thực sự có đầy đủ quyền “tư cách pháp nhân” về tôn giáo. Lí do đơn giản là hiện nay trong hệ thống pháp lý, trong các bộ luật có liên

quan đến đời sống tôn giáo (nhất là Luật Dân sự) chưa hề có sự quy định chỗ đứng cho các tổ chức tôn giáo. Hoặc trong Luật Giáo dục, chỉ cho phép các tổ chức tôn giáo hoạt động trong lĩnh vực “tiền phổ thông”, v.v...

Giải quyết mối quan hệ giữa thể nhân và pháp nhân trong luật pháp tôn giáo ở Việt Nam, theo chúng tôi hiện nay là một trong những vấn đề pháp lý quan trọng nhất.

Trên đây là một số vấn đề đặt ra về phương diện pháp lý đối với đời sống tôn giáo ở Việt Nam khi nó được “tái cấu hình”. Dĩ nhiên còn có những vấn đề khác, nhưng bài viết này không thể đủ khả năng bao chứa.

5. Kết luận

1. Đời sống tôn giáo ở Việt Nam những năm gần đây đã hội đủ những điều kiện để xuất hiện một “thị trường tôn giáo”, tương đồng với nhiều nước trong khu vực mà sự đa dạng về tôn giáo đã và đang thể hiện rõ rệt với nhiều chiều kích. Cùng với việc chuyển đổi nền kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập cũng như sự đổi mới về đường lối chính sách tôn giáo, sự “thức tỉnh tôn giáo” ở Việt Nam cũng thể hiện rất rõ nét trong đời sống tinh thần, xã hội của cá nhân và cộng đồng. Vì thế, sự xuất hiện của “thị trường tôn giáo” là tất yếu. Nó cũng tạo ra khả năng để một bộ phận người Việt Nam từ thành thị đến thôn quê, từ vùng đồng bằng, ven biển đến vùng cao có thể lựa chọn cho mình nhu cầu tôn giáo cần thiết. Đây cũng là cơ hội xuất hiện hiện tượng *cải đạo* (convertir) khá rõ nét những năm gần đây.

2. Đổi mới đường lối chính sách tôn giáo, đặc biệt là sự mở rộng việc công

nhận các tôn giáo cũng như các tổ chức tôn giáo - về khách quan đã tạo ra một sự “thiết chế hóa tôn giáo” - đã góp phần quyết định tạo nên hiện tượng “tái cấu hình” đời sống tôn giáo. Sự kiện tôn giáo quan trọng này đã mở ra hai chiều kích: *thứ nhất*, với nhiều tôn giáo đã có sự *tái cấu trúc bên trong*; thay đổi thể giới của các tôn giáo ấy, tiêu biểu là trường hợp đạo Tin Lành; *thứ hai*, ở tầng vĩ mô, sự “tái cấu hình” đã khiến cho *cái tôn giáo* cũng thay đổi căn bản.

Khái niệm pháp lý *cái tôn giáo* được mở rộng, khiến cho sự hiện diện của tôn giáo nói chung trong xã hội cũng như các mối quan hệ chính trị, văn hóa, xã hội, v.v... với tôn giáo cũng trở nên phong phú, đa dạng và phức tạp hơn.

3. *Tái cấu hình đời sống tôn giáo* cũng dẫn đến những hệ luận mới mẻ, thậm chí có tính thách đố đối với hệ thống pháp lý có liên quan đến vấn đề tôn giáo. Có lẽ đây là thời điểm mà Nhà nước cần tiếp tục có những giải pháp sâu sắc và toàn diện hơn trong nhiều lĩnh vực pháp lý liên quan đến việc tiếp tục hoàn thiện mô hình nhà nước thế tục, phương thức công nhận các tổ chức tôn giáo hay nói chung là cần có một *Luật pháp nhân tôn giáo*.

Dù sao đây cũng là những thách thức của sự phát triển, của sự đổi mới đường lối chính sách tôn giáo đã đi vào chiều sâu và mặt khác cũng đang đứng trước những cơ hội mới như đường lối, chính sách tôn giáo mà Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI vừa qua đã chỉ rõ. Trong đó, Nghị quyết của Đại hội có khẳng định đường hướng tiếp tục hoàn thiện chính sách đổi mới về tôn giáo, hoàn thiện luật pháp tôn giáo./.